

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinacorex 6 giai đoạn từ tháng 1/2015 đến tháng 12/2015 và kết quả kiểm tra nội bộ của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

ĐỘI DUNG QUẢN TRỊ VÀ KẾ TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và báo cáo lập lại sau đây gồm:

1. Báo cáo tài chính

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 29

Trong báo cáo tài chính, các số liệu được trình bày theo đơn vị tiền tệ Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan của Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan của Việt Nam.

1. Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và báo cáo lập lại sau đây gồm:

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và báo cáo lập lại sau đây gồm:

3. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và báo cáo lập lại sau đây gồm:

4. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và báo cáo lập lại sau đây gồm:

5. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và báo cáo lập lại sau đây gồm:

6. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và báo cáo lập lại sau đây gồm:

7. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và báo cáo lập lại sau đây gồm:

8. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và báo cáo lập lại sau đây gồm:

9. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và báo cáo lập lại sau đây gồm:

10. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và báo cáo lập lại sau đây gồm:

11. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và báo cáo lập lại sau đây gồm:

12. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và báo cáo lập lại sau đây gồm:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**

Tầng 5, Tòa nhà 29T2, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinaconex 6 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Đình Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Hoa Cương	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Hoa Cương	Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Lương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quỳnh	Phó Giám đốc
Bà Trần Hồng Vân	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

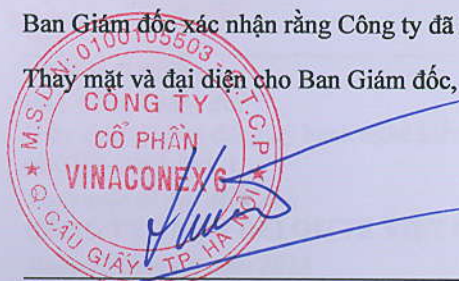
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Hoàng Hoa Cương**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Số: 0086 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vinaconex 6

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Vinaconex 6 (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 13 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 29. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



**Vũ Đức Nguyên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 13 tháng 8 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Lê Toàn Thắng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0771-2013-001-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu số B 01a-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>467.174.719.819</b>	<b>476.824.020.023</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>28.817.191.747</b>	<b>72.074.591.921</b>
1. Tiền	111		8.767.191.747	42.700.872.685
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.050.000.000	29.373.719.236
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>251.716.745.634</b>	<b>241.613.611.574</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	223.993.550.780	222.518.486.572
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		28.570.250.713	20.435.473.989
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		454.405.901	821.112.773
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.301.461.760)	(2.161.461.760)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>185.182.614.932</b>	<b>163.135.816.528</b>
1. Hàng tồn kho	141		190.878.941.663	168.832.143.259
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.696.326.731)	(5.696.326.731)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.458.167.506</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.458.167.506	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>65.937.805.271</b>	<b>68.848.392.896</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>48.581.288.780</b>	<b>49.950.531.762</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	48.581.288.780	49.950.531.762
- Nguyên giá	222		80.384.524.475	80.177.797.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.803.235.695)	(30.227.265.440)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		300.000.000	300.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(300.000.000)	(300.000.000)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>8.861.191.378</b>	<b>8.861.191.378</b>
- Nguyên giá	231		9.634.256.259	9.634.256.259
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(773.064.881)	(773.064.881)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.950.000.000</b>	<b>4.950.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	4.950.000.000	4.950.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.545.325.113</b>	<b>5.086.669.756</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.545.325.113	5.086.669.756
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>533.112.525.090</b>	<b>545.672.412.919</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

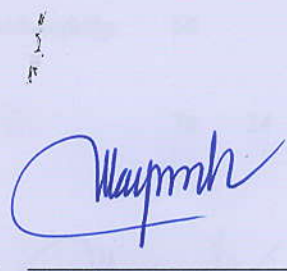
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			30/6/2015	(Trình bày lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>427.639.081.024</b>	<b>433.099.159.876</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>427.639.081.024</b>	<b>433.099.159.876</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		238.393.597.841	275.866.449.955
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	21.248.493.934	16.855.858.351
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	7.272.537.293	25.958.918.436
4. Phải trả người lao động	314		328.039.000	628.150.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	21.425.997.819	13.047.653.785
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		5.402.910.730	5.189.771.379
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	133.092.901.113	95.360.535.666
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		474.603.294	191.822.304
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>105.473.444.066</b>	<b>112.573.253.043</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>105.473.444.066</b>	<b>112.573.253.043</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.612.324.709	14.612.324.709
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.354.447.344	10.354.447.344
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		506.672.013	7.606.480.990
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		506.672.013	7.606.480.990
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>533.112.525.090</b>	<b>545.672.412.919</b>



Lê Tiến Dũng  
 Người lập biểu



Mai Phương Anh  
 Kế toán trưởng



Hoàng Hoa Cương  
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 02a-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	
			Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	264.016.416.428	282.631.375.264
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		264.016.416.428	282.631.375.264
4. Giá vốn hàng bán	11	20	254.131.836.088	257.038.077.773
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.884.580.340	25.593.297.491
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.835.310.420	4.513.841.033
7. Chi phí tài chính	22		4.550.935.892	6.037.997.351
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.550.935.892	6.037.997.351
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	8.467.716.065	17.104.520.116
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		701.238.803	6.964.621.057
10. Thu nhập khác	31		-	764.442.504
11. Chi phí khác	32		48.423.517	60.073.629
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(48.423.517)	704.368.875
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		652.815.286	7.668.989.932
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	146.143.273	4.728.926.239
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		506.672.013	2.940.063.693
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24		330

  
 Lê Tiến Dũng  
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

  
 Mai Phương Anh  
 Kế toán trưởng

  
 Hoàng Hoa Cương  
 Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 03a-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	652.815.286	7.668.989.932
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.575.970.255	2.827.828.445
Các khoản dự phòng	03	(860.000.000)	13.533.182.353
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(716.616.562)	(23.212.233.878)
Chi phí lãi vay	06	4.550.935.892	6.037.997.351
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.203.104.871	6.855.764.203
(Tăng) các khoản phải thu	09	(9.252.987.338)	(38.263.089.505)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(22.046.798.404)	36.526.569.178
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(39.406.973.110)	(25.763.391.439)
Giảm chi phí trả trước	12	83.177.137	2.025.308.660
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.433.529.048)	(6.202.338.607)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.389.502.296)	(1.758.777.805)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(66.000.000)	(54.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(74.309.508.188)</b>	<b>(26.633.955.315)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(206.727.273)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	30.454.545.455
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	726.469.840	645.367.225
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>519.742.567</b>	<b>31.099.912.680</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	142.274.767.538	126.906.029.386
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(104.542.402.091)	(114.457.138.855)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu <sup>1</sup>	36	(7.200.000.000)	(6.400.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>30.532.365.447</b>	<b>6.048.890.531</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(43.257.400.174)</b>	<b>10.514.847.896</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	72.074.591.921	24.036.621.571
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	28.817.191.747	34.551.469.467

Lê Tiến Dũng  
Người lập biểu

Mai Phương Anh  
Kế toán trưởng

Hương Hoa Cường  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vinaconex 6 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Xây dựng số 6 được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 890/QĐ-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xây dựng số 6, là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam).

Công ty Cổ phần Vinaconex 6 là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103000087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 2000 và thay đổi bổ sung lần 8 số 0100105503 ngày 22 tháng 4 năm 2015 với vốn điều lệ là 80.000.000.000 VND. Vốn thực góp đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 80.000.000.000 VND, trong đó:

- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam nắm giữ 2.880.000 cổ phần tương ứng với 28.800.000.000 VND, chiếm 36% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 5.120.000 cổ phần tương ứng với 51.200.000.000 VND, chiếm 64% vốn điều lệ.

Công ty đã thực hiện niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 28 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 23/QĐ-TTGDHN ngày 18 tháng 01 năm 2008 về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC6.

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 320 (31 tháng 12 năm 2014: 339).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:

- Xây dựng đường dây và trạm biến thế 35 Kv, lắp đặt kết cấu thép, các thiết bị cơ điện, nước, điều hòa không khí, thông tin tín hiệu;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng, các khu đô thị và khu công nghiệp, thi công các loại nền móng, công trình có quy mô lớn, các công trình đường giao thông, cầu, đường bộ, các công trình thủy lợi quy mô vừa (kênh, mương, đê kè, cống, trạm bơm);

- Xây dựng công trình công nghiệp: Nhà máy lọc dầu, các xường hóa chất;

- Xây dựng công trình cửa;

- Xây dựng đường hầm;

- Xây dựng công trình giao thông ngoài trời;

- Xây dựng các công trình viễn thông;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Xây dựng và phát triển nhà; Kinh doanh bất động sản;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh bất động sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác, các khoản chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản vay ngắn hạn.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

***Các khoản đầu tư tài chính***

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	Số năm	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50	6 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 16	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8	3 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 10	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và các chi phí liên quan đến thanh lý tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi thời gian khấu hao của các tài sản cố định là một số phương tiện vận tải và máy móc thiết bị (cầu tháp) để phù hợp với tuổi thọ kỹ thuật của các tài sản đó trong hoạt động xây lắp của Công ty.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng một phần tầng 1 và tầng 2 Khu nhà ở H10 Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí đầu tư xây dựng, phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, dàn giáo, cốp pha xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Trong kỳ, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do không phát sinh khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.585.097.035	1.840.606.664
Tiền gửi ngân hàng	5.182.094.712	40.860.266.021
Các khoản tương đương tiền (*)	20.050.000.000	29.373.719.236
	<u>28.817.191.747</u>	<u>72.074.591.921</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc là 3 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần đầu tư Dầu khí Toàn cầu	13.205.510.474	25.573.824.585
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	77.371.152.428	92.393.512.135
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	32.925.383.161	5.574.922.989
Phải thu ngắn hạn khác	100.491.504.717	98.976.226.863
	<b>223.993.550.780</b>	<b>222.518.486.572</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 22)	<b>87.416.360.552</b>	<b>104.254.019.929</b>

**7. NỢ XẤU**

	30/6/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khó có khả năng thu hồi</b>						
Mương cải đường Láng Hòa Lạc Hà Tây	313.996.196	-	Trên 3 năm	313.996.196	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Đô	246.197.100	-	Trên 3 năm	246.197.100	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	187.915.800	-	Trên 3 năm	187.915.800	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	120.280.060	-	Trên 3 năm	170.280.060	-	Trên 3 năm
Dự án Melinh Plaza Hà Đông	418.409.331	292.886.532	Từ 6 tháng đến 1 năm	3.918.409.331	2.982.886.532	Từ 6 tháng đến 1 năm
Phải thu khác	307.549.805	-	Trên 3 năm	307.549.805	-	Trên 3 năm
	<b>1.594.348.292</b>	<b>292.886.532</b>		<b>5.144.348.292</b>	<b>2.982.886.532</b>	

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	190.878.941.663	5.696.326.731	168.832.143.259	5.696.326.731
<b>Cộng</b>	<b>190.878.941.663</b>	<b>5.696.326.731</b>	<b>168.832.143.259</b>	<b>5.696.326.731</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**Tầng 5, Tòa nhà 29T2, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng cho công trình Posco 16 Láng Hạ	1.042.323.804	-
Chi phí khác	415.843.702	-
	<b>1.458.167.506</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ tại kho xưởng và xuất dùng cho các công trình	3.422.045.671	4.660.102.666
Máy móc, thiết bị văn phòng	123.279.442	426.567.090
	<b>3.545.325.113</b>	<b>5.086.669.756</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	Phát sinh trong kỳ		30/6/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	18.110.711.871	26.401.641.639	41.061.506.062	3.450.847.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.339.068.478	146.143.273	4.389.502.296	95.709.455
Thuế thu nhập cá nhân	84.358.924	329.517.773	112.675.470	301.201.227
Thuế khác	3.424.779.163	96.206.400	96.206.400	3.424.779.163
	<b>25.958.918.436</b>	<b>26.973.509.085</b>	<b>45.659.890.228</b>	<b>7.272.537.293</b>

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	38.092.850.647	28.391.518.183	3.508.368.021	10.185.060.351	80.177.797.202
Tăng khác	-	206.727.273	-	-	206.727.273
Tại ngày 30/6/2015	<b>38.092.850.647</b>	<b>28.598.245.456</b>	<b>3.508.368.021</b>	<b>10.185.060.351</b>	<b>80.384.524.475</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	2.516.426.961	19.234.629.175	988.941.335	7.487.267.969	30.227.265.440
Trích khấu hao trong kỳ	380.875.527	594.912.350	171.425.682	428.756.696	1.575.970.255
Tại ngày 30/6/2015	<b>2.897.302.488</b>	<b>19.829.541.525</b>	<b>1.160.367.017</b>	<b>7.916.024.665</b>	<b>31.803.235.695</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2015	<b>35.195.548.159</b>	<b>8.768.703.931</b>	<b>2.348.001.004</b>	<b>2.269.035.686</b>	<b>48.581.288.780</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>35.576.423.686</b>	<b>9.156.889.008</b>	<b>2.519.426.686</b>	<b>2.697.792.382</b>	<b>49.950.531.762</b>

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 11.879.301.182 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 5.035.609.957 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng là 41.886.622.301 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 43.076.747.980), xem tại Thuyết minh số 16.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi thời gian khấu hao của các tài sản cố định là một số phương tiện vận tải và máy móc thiết bị (cầu tháp) để phù hợp với tuổi thọ kỹ thuật của các tài sản đó trong hoạt động xây lắp của Công ty. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 giảm khoảng 538 triệu đồng so với việc áp dụng thời gian khấu hao cũ.

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<b>Tầng 1 và 2 Khu nhà ở H10 Thanh Xuân Nam</b>
	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	9.634.256.259
Tại ngày 30/6/2015	9.634.256.259
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	773.064.881
Trích khấu hao trong kỳ	-
Tại ngày 30/6/2015	773.064.881
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/6/2015	8.861.191.378
Tại ngày 31/12/2014	8.861.191.378

Quyền khai thác, kinh doanh và các lợi ích, quyền lợi phát sinh từ việc khai thác và kinh doanh đối với tầng 2 của khu nhà ở H10 Thanh Xuân Nam đang được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 48.12.051.532484 ngày 05 tháng 6 năm 2012 cho các hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ, xem tại Thuyết minh số 16. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 8.861.191.378 VND.

**Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là “một phần tầng 1 (khoảng 178 m2) và tầng 2 Khu nhà ở H10 Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội”.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**

Tầng 5, Tòa nhà 29T2, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/6/2015		31/12/2014 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
- Công ty Cổ phần Ống sợi thủy tinh Vinaconex	3.550.000.000	-	3.550.000.000	-
- Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
	<b>4.950.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>-</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tổng Công ty mạng lưới Viettel	6.460.901.733	2.816.695.475
Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	3.284.999.978	-
Ban quản lý dự án nhà máy chế biến gỗ MDF Kiên Giang	3.017.995.592	-
Công ty Cổ phần Vicostone	-	3.633.359.000
Công ty TNHH Meada Việt Nam	-	1.917.798.399
Khác	8.484.596.631	8.488.005.477
	<b>21.248.493.934</b>	<b>16.855.858.351</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí trích trước các công trình	21.282.899.247	12.933.050.945
<i>Dự án BTMV giai đoạn 3.4</i>	-	5.827.074.900
<i>Dự án BTMV giai đoạn 2.5</i>	6.017.138.000	-
<i>Dự án YTEC 2 và YTEC 3</i>	6.430.678.000	2.383.753.767
<i>Cảnh quan liền kề nhà Bắc An Khánh</i>	769.265.512	790.638.442
<i>Các công trình khác</i>	8.065.817.735	3.931.583.836
Chi phí lãi vay	143.098.572	114.602.840
	<b>21.425.997.819</b>	<b>13.047.653.785</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	VND	VND	trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (i)	79.039.570.427	79.039.570.427	132.237.200.833	90.320.886.852	120.955.884.408	120.955.884.408
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ (ii)	12.470.965.239	12.470.965.239	10.037.566.705	13.721.515.239	8.787.016.705	8.787.016.705
- Vay cá nhân (iii)	3.850.000.000	3.850.000.000	-	500.000.000	3.350.000.000	3.350.000.000
	<b>95.360.535.666</b>	<b>95.360.535.666</b>	<b>142.274.767.538</b>	<b>104.542.402.091</b>	<b>133.092.901.113</b>	<b>133.092.901.113</b>

(i) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/178582/HĐTD ngày 30 tháng 6 năm 2015 có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi với số tiền tối đa là 125.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh là 100.000.000.000 VND. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở L/C này đã bao gồm, toàn bộ dư nợ ngắn hạn, số dư L/C chưa thanh toán tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2014/178582/HĐTD ngày 04 tháng 7 năm 2014. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản. Kế hoạch trả nợ và thời điểm tính lãi của từng khoản nợ được xác định tại các hợp đồng tín dụng cụ thể. Ngân hàng được điều chỉnh lãi suất trong trường hợp có sự biến động của lãi suất thị trường vốn (xem Thuyết minh số 11).

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 13.14.051.532484.TD ngày 25 tháng 3 năm 2014 và văn bản sửa đổi hợp đồng số 01 ngày 18 tháng 9 năm 2014, thời hạn giải ngân đến hết ngày 20 tháng 2 năm 2015. Ngân hàng cấp cho Công ty một hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, theo đó Công ty được cấp các khoản tín dụng với tổng số tiền cam kết tại mọi thời điểm là: hạn mức công trình (bao gồm dư nợ và dư bảo lãnh thanh toán) 75.000.000.000 VND, doanh số cho vay tối đa (bao gồm dư nợ và dư bảo lãnh thanh toán) 118.000.000.000 VND, tuy nhiên tổng dư nợ và dư bảo lãnh thanh toán tối đa tại mọi thời điểm là 100.000.000.000 VND. Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh thanh toán để thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 061101/VTNet - Vinaconex6/XL-2013 ngày 06 tháng 11 năm 2013 ký với Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội về việc thực hiện thi công: Xây dựng mới và lắp đặt thiết bị cho các trạm BTS tại các tỉnh Bắc Giang, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên, Hà Nam, Thái Nguyên, Hòa Bình, Hải Dương, Vĩnh Phúc năm 2013. Lãi suất trong hạn được xác định cụ thể trên kế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản đảm bảo của Công ty theo quy định tại các hợp đồng thế chấp (xem Thuyết minh số 11 và số 12).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 22.14.051.532484.TD ngày 30 tháng 5 năm 2014, thời hạn giải ngân đến hết ngày 14 tháng 4 năm 2015. Ngân hàng cấp cho Công ty một hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, theo đó Công ty được cấp các khoản tín dụng với tổng số tiền cam kết tại mọi thời điểm là: doanh số giải ngân tối đa là 13.770.000.000 VND, dư nợ tối đa là 8.100.000.000 VND. Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh thanh toán để thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 073/2014/HĐXD ngày 11 tháng 4 năm 2014 ký với Trường Cao đẳng nghề LILAMA 2 về việc thực hiện gói thầu: Trung tâm cơ khí CNC thuộc dự án: Đầu tư phát triển Trường Cao đẳng nghề LILAMA 2 thành Trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao vốn ODA của Chính phủ Cộng hòa Pháp và Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức. Lãi suất trong hạn được xác định cụ thể trên khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản đảm bảo của Công ty theo quy định tại các hợp đồng thế chấp (xem Thuyết minh số 11 và số 12).

- (iii) Vay cá nhân: bên cho vay là các cá nhân. Số tiền cho vay là 3.350.000.000 VND với mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay là 06 tháng với lãi suất 8%/năm. Thời gian gia hạn trả nợ tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày đáo hạn đầu tiên của khoản vay. Vay dưới hình thức tín chấp, không có tài sản đảm bảo. Hiện tại, Công ty chưa có văn bản thỏa thuận chính thức với các cá nhân cho vay để gia hạn các khoản vay này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**

Tầng 5, Tòa nhà 29T2, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>14.612.324.709</b>	<b>8.809.171.560</b>	<b>1.545.275.784</b>	<b>7.109.556.259</b>	<b>112.076.328.312</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.806.480.990	7.806.480.990
Trích các quỹ	-	-	-	-	(855.556.259)	(855.556.259)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	(6.400.000.000)	(6.400.000.000)
Trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(54.000.000)	(54.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>14.612.324.709</b>	<b>8.809.171.560</b>	<b>1.545.275.784</b>	<b>7.606.480.990</b>	<b>112.573.253.043</b>
Tăng/(Giảm) do áp dụng hướng dẫn kế toán mới	-	-	1.545.275.784	(1.545.275.784)	-	-
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại)</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>14.612.324.709</b>	<b>10.354.447.344</b>	<b>-</b>	<b>7.606.480.990</b>	<b>112.573.253.043</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	506.672.013	506.672.013
Trích các quỹ (i)	-	-	-	-	(340.480.990)	(340.480.990)
Chia cổ tức năm 2014 (i)	-	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(66.000.000)	(66.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>14.612.324.709</b>	<b>10.354.447.344</b>	<b>-</b>	<b>506.672.013</b>	<b>105.473.444.066</b>

(i) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 09 tháng 4 năm 2015 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

- Cổ tức được chia cho năm 2014 bằng 9% mệnh giá cổ phiếu tương ứng với số tiền là 7.200.000.000 VND;
- Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích là 340.480.990 VND;

Trong kỳ, Công ty đã trích lập các quỹ và chi trả hết cổ tức theo đúng Nghị quyết nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**

Tầng 5, Tòa nhà 29T2, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 8 số 0100105503 ngày 22 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 8			Vốn đã góp tại ngày	
	Số cổ phần	%	VND	30/6/2015	31/12/2014
				VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.880.000	36%	28.800.000.000	28.800.000.000	28.800.000.000
Các cổ đông khác	5.120.000	64%	51.200.000.000	51.200.000.000	51.200.000.000
	<b>8.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	30/6/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.000.000	8.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây dựng; Hoạt động liên quan đến kinh doanh bất động sản và cho thuê khác cũng là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh xây lắp và chiếm tỷ trọng doanh thu rất nhỏ. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014; toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là liên quan đến hoạt động kinh doanh xây lắp và kinh doanh bất động sản nêu trên. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 19 và số 20.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**Tầng 5, Tòa nhà 29T2, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU BÁN HÀNG**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hoạt động xây lắp	262.554.380.064	249.683.188.264
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản và cho thuê khác	1.462.036.364	32.948.187.000
	<b>264.016.416.428</b>	<b>282.631.375.264</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	253.001.415.792	246.072.773.342
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản và cho thuê khác	1.130.420.296	10.965.304.431
	<b>254.131.836.088</b>	<b>257.038.077.773</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	173.886.827.537	110.855.844.737
Chi phí nhân công	94.582.974.718	83.060.330.685
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.575.970.255	2.827.828.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.763.291.063	10.396.064.136
Chi phí khác bằng tiền	837.286.984	22.322.122.735
	<b>284.646.350.557</b>	<b>229.462.190.738</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**Tầng 5, Tòa nhà 29T2, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	5.789.598.942	5.692.236.519
Chi phí công cụ dụng cụ	321.122.190	328.526.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	971.542.789	1.345.970.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	548.165.160	432.262.284
Chi phí khác bằng tiền	1.697.286.984	1.468.668.393
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	7.836.855.622
	<b>9.327.716.065</b>	<b>17.104.520.116</b>
<b>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(860.000.000)	-
	<b>8.467.716.065</b>	<b>17.104.520.116</b>

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		Tổng cộng VND
		Hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm hoạt động chuyển nhượng bất động sản) VND	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản VND	
Lợi nhuận trước thuế	652.815.286	(13.826.129.337)	21.495.119.269	7.668.989.932
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	(70.000.000)	-	(70.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	11.472.317	8.038.300	-	8.038.300
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>664.287.603</b>	<b>(13.888.091.037)</b>	<b>21.495.119.269</b>	<b>7.607.028.232</b>
Thuế suất thông thường	22%	22%	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (i)</b>	<b>146.143.273</b>	<b>-</b>	<b>4.728.926.239</b>	<b>4.728.926.239</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>146.143.273</b>	<b>-</b>	<b>4.728.926.239</b>	<b>4.728.926.239</b>

- (i) Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế. Quyết định sau cùng về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.***24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>506.672.013</b>	<b>2.940.063.693</b>
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	(270.240.495)
- Trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	(33.000.000)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>506.672.013</b>	<b>2.636.823.198</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	8.000.000	8.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>63</b>	<b>330</b>

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	133.092.901.113	95.360.535.666
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	28.817.191.747	72.074.591.921
Nợ thuần	104.275.709.366	23.285.943.745
Vốn chủ sở hữu	105.473.444.066	112.573.253.043
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,99	0,21

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.817.191.747	72.074.591.921
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	222.751.366.798	220.426.155.868
Đầu tư tài chính dài hạn	4.950.000.000	4.950.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>256.518.558.545</b>	<b>297.450.747.789</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay ngắn hạn	133.092.901.113	95.360.535.666
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	243.361.215.335	280.711.974.597
Chi phí phải trả ngắn hạn	21.425.997.819	13.047.653.785
<b>Tổng cộng</b>	<b>397.880.114.267</b>	<b>389.120.164.048</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty có một số khoản đầu tư tài chính dài hạn (như Thuyết minh số 13). Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>30/6/2015</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.817.191.747	-	28.817.191.747
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	222.751.366.798	-	222.751.366.798
Đầu tư tài chính dài hạn	-	4.950.000.000	4.950.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>251.568.558.545</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>256.518.558.545</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay ngắn hạn	133.092.901.113	-	133.092.901.113
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	243.361.215.335	-	243.361.215.335
Chi phí phải trả ngắn hạn	21.425.997.819	-	21.425.997.819
<b>Tổng cộng</b>	<b>397.880.114.267</b>	<b>-</b>	<b>397.880.114.267</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(146.311.555.722)</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>(141.361.555.722)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.074.591.921	-	72.074.591.921
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	220.426.155.868	-	220.426.155.868
Đầu tư tài chính dài hạn	-	4.950.000.000	4.950.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>292.500.747.789</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>297.450.747.789</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay ngắn hạn	95.360.535.666	-	95.360.535.666
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	280.711.974.597	-	280.711.974.597
Chi phí phải trả ngắn hạn	13.047.653.785	-	13.047.653.785
<b>Tổng cộng</b>	<b>389.120.164.048</b>	<b>-</b>	<b>389.120.164.048</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(96.619.416.259)</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>(91.669.416.259)</b>

Công ty có rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn bằng cách đơn đốc thu hồi công nợ và giãn các khoản phải trả nhà cung cấp.

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh sách các bên liên quan:***

Bên liên quan	Quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty liên kết
Ban điều hành Dự án Bắc An Khánh	Đơn vị thuộc cùng Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Phong Bắc	Đơn vị thuộc cùng Tổng Công ty
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	Đơn vị thuộc cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	Công ty thuộc cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	Công ty thuộc cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	Công ty thuộc cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Vinaconex Xuân Mai	Công ty thuộc cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	Công ty thuộc cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần VIMECO	Công ty thuộc cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại	Công ty thuộc cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	Công ty thuộc cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	Công ty thuộc cùng Tổng Công ty

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**

Tầng 5, Tòa nhà 29T2, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

Doanh thu bán hàng	Từ ngày 01/01/2015	Từ ngày 01/01/2014
	đến ngày 30/6/2015	đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.033.741.818	5.345.734.857
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	-	144.557.127
Ban điều hành Dự án Bắc An Khánh	-	5.858.161.064
Ban điều hành Dự án Phong Bắc	-	5.958.951.409
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	-	16.723.004.247
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần VIMECO	3.681.715.682	4.140.769.700

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:*

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	77.371.152.428	92.393.512.135
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	1.326.512.479	1.326.512.479
Công ty Cổ phần VIMECO	1.820.587.152	2.994.601.222
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	187.915.800	656.515.800
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	120.280.060	170.280.060
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	6.495.457.433	6.495.457.433
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Vinaconex Xuân Mai	94.455.200	217.140.800
	<b>87.416.360.552</b>	<b>104.254.019.929</b>

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Phải trả người bán</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	1.282.751.743	1.282.751.743
Công ty Cổ phần VIMECO	3.654.343.129	2.796.029.950
Công ty Cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại	-	218.290.078
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	463.676.000	463.676.000
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	910.299.272
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	309.634.000	309.634.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	120.730.000	120.730.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**Tầng 5, Tòa nhà 29T2, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lương và thưởng	941.768.180	704.127.545


**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu kỳ này như sau:

Chi tiêu	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số trình bày lại
	VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014</b>			
Tài sản ngắn hạn khác	184.253.918	(184.253.918)	-
Phải thu ngắn hạn khác	636.858.855	184.253.918	821.112.773
Quỹ dự phòng tài chính	1.545.275.784	(1.545.275.784)	-
Quỹ đầu tư phát triển	8.809.171.560	1.545.275.784	10.354.447.344
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	-	7.606.480.990	7.606.480.990
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	368	(38)	330

  
 Lê Tiến Dũng  
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

  
 Mai Phương Anh  
 Kế toán trưởng

  
 Hoàng Hoa Cương  
 Giám đốc
